

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm XD	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Giá trị quyết toán/giá trị khối lượng hoàn thành	Lấy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 23/NQ-HĐND, ngày 16/12/2021 của HĐND huyện)					Kế hoạch vốn đã phân bổ hoặc thanh toán giai đoạn 2021-2022 và 4 tháng 2023					Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025										Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh					Ghi chú
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tăng	Trong đó					Giảm	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
								Vốn đầu tư XD/CB tập trung	Thu tiền SD đất	Nguồn khác			Nguồn vốn NSTW	Vốn đầu tư XD/CB tập trung	Thu tiền SD đất	Nguồn khác		Nguồn vốn NSTW	Vốn đầu tư XD/CB tập trung	Thu tiền SD đất	Nguồn khác	Nguồn vốn NSTW		Vốn đầu tư XD/CB tập trung	Thu tiền SD đất	Nguồn khác	Nguồn vốn NSTW	Vốn đầu tư XD/CB tập trung		Thu tiền SD đất	Nguồn khác											
A	B	C	D	E	F	1	2=3+...+5	3	4	5	9	10=11+...+14	11	12	13	14	15=16+...+19	16	17	18	19	20=21+...+24	21	22	23	24	25=26+...+29	26	27	28	29	30=31+...+34	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
VIII.4	SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC (I+II)																																									
VIII	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, ĐANG, ĐOÀN THỂ (VIII.1+VIII.2)						10,245.00		10,245.00		9,369.68	2,954.00			2,954.00		9,999.28			9,999.28		6,415.68			6,415.68		629.60			629.60						9,999.28			9,999.28			
VIII.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						4,356.49		4,356.49		4,210.48	2,954.00			2,954.00		4,210.48			4,210.48		1,256.48			1,256.48										4,210.48			4,210.48				
1	Trụ sở Đảng ủy - HDND - UBND xã Gia Tân	UBND Xã	7183660	C	2019-2019	Số 3704 ngày 15/10/2018	4,356.49		4,356.49		4,210.48	2,954.00			2,954.00		4,210.48			4,210.48		1,256.48			1,256.48									4,210.48			4,210.48					
VIII.2	Dự án giai đoạn 2021-2025						5,888.51		5,888.51		5,159.20						5,788.79			5,788.79		5,159.20			5,159.20		629.60			629.60					5,788.80			5,788.80				
VIII.2.1	Công trình khởi công mới						5,888.51		5,888.51		5,159.20						5,788.79			5,788.79		5,159.20			5,159.20		629.60			629.60				5,788.80			5,788.80					
1	Điểm dân cư số 01 thôn An Tân, xã Gia Tân	Thôn An Tân	7183660	C	2021-2021	số 3173 ngày 03/10/2019 UBND huyện	5,043.96		5,043.96		4,414.36						5043.96			5,043.96		4,414.36			4,414.36		629.60			629.60				5,043.96			5,043.96					
2	Cải tạo nhà lâm việc xã Gia Tân	UBND Xã	7183660	C	2022-2022	28 ngày 15/05/2022 UBND xã	844.55		844.55		744.83						744.83			744.83		744.83			744.83								744.83			744.83						
VIII.2.2	Công trình chuẩn bị đầu tư																																									
1	Dự án.....																																									
IX	BẢO ĐÀM XÃ HỘI (IX.1+IV.2)						3,568.99		2,568.99	1,000.00	2,309.20						3,187.52			1,309.20	1,878.32	2,309.20			1,309.20	1,000.00	878.32				878.32				3,187.52			1,309.20	1,878.32			
IX.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																																									
1	Dự án.....																																									
IX.2	Dự án giai đoạn 2021-2025						3,568.99		2,568.99	1,000.00	2,309.20						3,187.52			1,309.20	1,878.32	2,309.20			1,309.20	1,000.00	878.32				878.32				3,187.52			1,309.20	1,878.32			
IX.2.1	Công trình khởi công mới						3,568.99		2,568.99	1,000.00	2,309.20						3,187.52			1,309.20	1,878.32	2,309.20			1,309.20	1,000.00	878.32				878.32				3,187.52			1,309.20	1,878.32			
1	Cải tạo Nghĩa trang Liệt sỹ xã Gia Tân Giai đoạn 1	Tại NTLS	7183660	C	2022-2022	Số 40/QĐ-UBND ngày 19/04/2022 của UBND xã	1,186.60		279.40	907.20	1,028.30						1028.30			121.10	907.20	1,028.30			121.10	907.20							1,028.30			121.10	907.20					
2	Cải tạo Nghĩa trang Liệt sỹ xã Gia Tân giai đoạn 2	Tại NTLS	7183660	C	2022-2022	Số 48/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của UBND xã	1,184.84		1,092.04	92.80	213.72						1092.04			120.92	971.12	213.72			120.92	92.80	878.32				878.32				1,092.04			120.92	971.12			
3	Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ	Tại NTLS	7183660	C	2022-2022	Số 74/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 của UBND xã	1,197.55		1,197.55		1,067.18						1067.18			1,067.18		1,067.18			1,067.18								1,067.18			1,067.18						
IX.2.2	Công trình chuẩn bị đầu tư																																									
1	Dự án.....																																									
...																																										
X	HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC (X.1+...+X.6)																																									
X.1	Hỗ trợ về nhà ở người có công với cách mạng																																									
X.2	Hỗ trợ hạ tầng khu dân cư																																									
X.3	Hỗ trợ các xã trả nợ XDCB																																									
X.4	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã																																									
X.5	Hỗ trợ các xã công tác quy hoạch																																									
X.6	Hỗ trợ các đơn vị khác																																									
B	CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM TÍNH GIAO CHO HUYỆN THEO NQ SỐ 59/NQ-HĐND)																																									
1	Dự án.....																																									
C	DỰ PHÒNG (5%)																																									

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tàng Xuân Bá

Gia Tân, ngày 14 tháng 5 năm 2023
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA

Phạm Duy Thoại



